

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 536/2023/KDTM-ST
Ngày: 25/7/2023
V/v Tranh chấp hợp đồng thi công.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc Lược
2. Ông Nguyễn văn Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thức - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số 407/2021/TLST-KDTM ngày 30 tháng 6 năm 2021 về “Tranh chấp Hợp đồng thi công” theo Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2023/QĐST-DS ngày 20/6/2023 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2023/QĐXXST-KDTM ngày 28/6/2023, giữa:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH T1.

Trụ sở: B T, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Bảo T, sinh năm 1972 – là người đại diện theo pháp luật – Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 0305304147, đăng ký lần đầu ngày 05/11/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 10/9/2019. “vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt”

- Bị đơn: Công ty TNHH MTV K.

Trụ sở: B H, Phường H, quận P, Tp ..

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Duy H, sinh năm 1986.

Địa chỉ: K (Tổ F), phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An. “có mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 10/6/2021, các lời khai tiếp sau đó người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – ông Nguyễn Bảo T trình bày:

Từ năm 2007, Công ty TNHH MTV K là đối tác làm ăn với nhau. Và từ năm 2016 đến nay, hai bên tiếp tục xác lập, thực hiện hợp đồng thi công trong xây dựng với Công ty TNHH T1. Sau khi thi công xong từng hạng mục theo hợp đồng đã ký kết, cả hai công ty đã ngồi lại xác nhận, đối chiếu công nợ với nhau, cụ thể như sau:

1. Hợp đồng số HD 0504-01/09/HĐKT ngày 05/4/2019 về việc thi công chống thấm. Theo biên bản thanh lý hợp đồng ngày 08/12/2020 có ký xác nhận của hai bên,

giá trị quyết toán là 637.006.517 đồng, đã thanh toán 248.362.720 đồng, còn nợ 388.643.797 đồng;

2. Hợp đồng số HD1804-01/19/HĐKT-TTP cons ngày 18/4/2019 về việc xử lý vết nứt, giá trị quyết toán 239.157.600 đồng; đã thanh toán 70.000.000 đồng, còn nợ 169.157.600 đồng. (Theo bảng chi tiết giá trị khối lượng thanh toán đợt 01 có ký xác nhận của hai bên đề ngày 14/9/2015)

3. Hợp đồng số HD 0808-02/18/HĐKT-TTP cons ngày 08/8/2018 về việc thi công chống thấm, giá trị quyết toán 798.508.260 đồng, đã thanh toán 733.164.438 đồng. Theo biên bản thanh lý hợp đồng đề ngày 03/12/2019 có ký xác nhận của hai bên Công ty bị đơn còn phải thanh toán số tiền 25.418.409 đồng và số tiền giá trị bảo hành 5% giá trị quyết toán còn giữ là 39.925.413 đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay Công ty còn nợ số tiền tổng cộng là 65.343.822 đồng. Trong đó có giá trị bảo hành 5% giá trị quyết toán số tiền là 39.925.413 đồng chưa thanh toán mặc dù đã kết thúc thời hạn bảo hành là 12 tháng đã lâu.

4. Hợp đồng số HD 20B/17/HĐKT-TTP cons ngày 24/7/2017 về việc thi công chống thấm nền vách hầm, giá trị quyết toán 952.795.676 đồng, đã thanh toán 792.413.429 đồng. Theo biên bản thanh lý hợp đồng đề ngày 26/7/2019 có ký xác nhận của hai bên công ty bị đơn còn phải thanh toán số tiền 112.742.463 đồng và số tiền giá trị bảo hành 5% giá trị quyết toán còn giữ là 47.639.784 đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay Công ty còn nợ số tiền tổng cộng là 160.382.247 đồng. Trong đó có giá trị bảo hành 5% giá trị quyết toán số tiền là 47.639.784 đồng chưa thanh toán mặc dù đã kết thúc thời hạn bảo hành là 12 tháng đã lâu.

5. Hợp đồng số HD133B/16/HĐKT-TTP cons ngày 06/10/2016 về việc thi công chống thấm, giá trị quyết toán 700.311.064 đồng, đã thanh toán 238.017.830 đồng. Theo biên bản thanh lý hợp đồng đề ngày 16/8/2018 có ký xác nhận của hai bên Công ty bị đơn còn giữ của Công ty TNHH T1 giá trị bảo hành 5% giá trị quyết toán số tiền là 35.015.553 đồng. Công ty bị đơn có nghĩa vụ thanh toán sau khi kết thúc thời hạn bảo hành là 12 tháng. Đến nay đã hết hạn bảo hành nhưng công ty bị đơn vẫn chưa thanh toán lại cho Công ty TNHH T1 – Đầu tư Bảo Toàn số tiền nêu trên.

6. Hợp đồng số HD136A2/16/HĐKT-TTP cons ngày 25/10/2016 về việc thi công chống thấm vách hầm, giá trị quyết toán 352.552.200 đồng, đã thanh toán 238.017.830 đồng. Theo biên bản thanh lý hợp đồng đề ngày 26/10/2017 có ký xác nhận của hai bên công ty bị đơn còn phải thanh toán số tiền 146.906.760 đồng và số tiền giá trị bảo hành 5% giá trị quyết toán còn giữ là 17.627.610 đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay Công ty còn nợ số tiền tổng cộng là 114.534.370 đồng. Trong đó có giá trị bảo hành 5% giá trị quyết toán số tiền là 17.627.610 đồng mặc dù đã kết thúc thời hạn bảo hành là 12 tháng đã lâu.

7. Hợp đồng số HD130C/16/HĐKT-TTP cons ngày 20/6/2016 về việc thi công chống thấm, giá trị quyết toán 695.307.404 đồng, đã thanh toán 660.542.034 đồng. Theo biên bản thanh lý hợp đồng đề ngày 16/8/2018 có ký xác nhận của hai bên Công ty bị đơn còn giữ của Công ty TNHH T1 giá trị bảo hành 5% giá trị quyết toán số tiền là 34.765.370 đồng. Công ty bị đơn có nghĩa vụ thanh toán sau khi kết thúc thời hạn bảo hành là 12 tháng. Đến nay đã hết hạn bảo hành nhưng công ty bị đơn vẫn chưa thanh toán lại cho Công ty TNHH T1 – Đầu tư Bảo Toàn số tiền nêu trên.

8. Hợp đồng số HD 113d/16/HĐKT-TTP cons ngày 02/8/2016 về việc thi công chống thấm lỗ kingpost, giếng khoan, lỗ trắc đặc, giá trị quyết toán 204.600.000 đồng, đã thanh toán 194.370.000 đồng. Theo biên bản thanh lý hợp đồng đề ngày 20/10/2017 có ký xác nhận của hai bên Công ty bị đơn còn giữ của Công ty TNHH T1 giá trị bảo

hành 5% giá trị quyết toán số tiền là 10.230.000 đồng (Mười triệu hai trăm ba mươi ngàn đồng). Công ty bị đơn có nghĩa vụ thanh toán sau khi kết thúc thời hạn bảo hành là 12 tháng. Đến nay đã hết hạn bảo hành nhưng Công ty bị đơn vẫn chưa thanh toán lại cho Công ty TNHH T1 – Đầu tư Bảo Toàn số tiền nêu trên.

9. Hợp đồng số HD84a/16/HĐKT-TTP cons ngày 20/4/2016 về việc thi công xử lý vết nứt, giá trị quyết toán 170.751.240 đồng, đã thanh toán 162.213.678 đồng. Theo bảng chi tiết giá trị khối lượng thanh toán đợt 01 có ký xác nhận của hai bên số tiền nợ còn lại là 81.046.240 đồng. Sau đó, Công ty bị đơn đã thanh toán và hiện còn nợ số tiền là 8.537.562 đồng (Tám triệu năm trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm sáu mươi hai đồng)

10. Hợp đồng số HD 1002-01/18/HĐKT-TTP cons ngày 10/02/2018 về việc thi công khoan cấy, giá trị quyết toán 125.354.460 đồng, đã thanh toán 112.819.014 đồng. Theo bảng chi tiết giá trị khối lượng thanh toán đợt 03 có ký xác nhận của hai bên số tiền nợ còn lại là 46.580.160 đồng. Sau đó, Công ty bị đơn đã thanh toán và hiện còn nợ số tiền là 12.535.446 đồng (Mười hai triệu năm trăm ba mươi lăm ngàn bốn trăm bốn mươi sáu đồng).

Như vậy, tổng số tiền mà Công ty TNHH MTV K còn nợ Công ty TNHH T1 theo các hợp đồng đã ký kết nêu trên tổng cộng số tiền là 999.145.767 đồng. Mặc dù Công ty TNHH T1 đã nhiều lần tìm cách liên hệ yêu cầu Công ty TNHH MTV K1 toàn bộ số tiền nợ còn thiếu nêu trên nhưng Công ty TNHH MTV K cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ, di dời địa chỉ trụ sở nhiều nơi mà không thông báo.

Do Công ty TNHH MTV K vi phạm nghĩa vụ thanh toán trả nợ đã lâu nên Công ty TNHH T1 vẫn giữ yêu cầu Toà án giải quyết buộc: Công ty TNHH MTV K có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ còn thiếu theo các hợp đồng, biên bản thanh lý hợp đồng, biên bản xác nhận giá trị thanh toán đã ký nêu trên với số tiền nợ gốc tổng cộng là 999.145.767 đồng (Chín trăm chín mươi chín triệu một trăm bốn mươi lăm ngàn bảy trăm sáu mươi bảy đồng). Công ty TNHH T1 tự nguyện không yêu cầu phía Công ty bị đơn phải trả lãi chậm trả từ thời điểm vi phạm đến ngày Toà án xét xử vụ án, không yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng.

* Bị đơn – Công ty TNHH MTV K vắng mặt trong suốt quá trình thụ lý và giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được tổng đạt triệu tập hợp lệ. Do đó, không có ý kiến, yêu cầu gì trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, và vẫn giữ các ý kiến nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; về nội dung: căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Công ty TNHH T1 có đơn khởi kiện Công ty TNHH MTV K yêu cầu thanh toán toàn bộ số tiền nợ còn thiếu theo các hợp đồng thi công xây dựng đã ký kết. Đây là tranh chấp về Hợp đồng thi công. Tại thời điểm Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận thụ lý vụ án bị đơn có địa chỉ kinh doanh tại quận P, Tp . Căn cứ quy

định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì yêu cầu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện hợp pháp của Công ty TNHH T1 có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và vẫn giữ ý kiến và yêu cầu khởi kiện như trên; Bị đơn Công ty TNHH MTV K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ các Hợp đồng thi công xây dựng: Hợp đồng số HD 0504-01/09/HĐKT ngày 05/4/2019 về việc thi công chống thấm, Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 08/12/2020 có ký xác nhận của hai bên; Hợp đồng số HD1804-01/19/HĐKT-TTP cons ngày 18/4/2019 về việc xử lý vết nứt, Theo bảng chi tiết giá trị khối lượng thanh toán đợt 01 có ký xác nhận của hai bên đề ngày 14/9/2015; Hợp đồng số HD 0808-02/18/HĐKT-TTP cons ngày 08/8/2018 về việc thi công chống thấm, Theo biên bản thanh lý hợp đồng đề ngày 03/12/2019 có ký xác nhận của hai bên Công ty; Hợp đồng số HD 20B/17/HĐKT-TTP cons ngày 24/7/2017 về việc thi công chống thấm nền vách hầm, theo biên bản thanh lý hợp đồng đề ngày 26/7/2019 có ký xác nhận của hai bên Công ty; Hợp đồng số HD133B/16/HĐKT-TTP cons ngày 06/10/2016 về việc thi công chống thấm, biên bản thanh lý hợp đồng đề ngày 16/8/2018 có ký xác nhận của hai bên; Hợp đồng số HD136A2/16/HĐKT-TTP cons ngày 25/10/2016 về việc thi công chống thấm vách hầm, biên bản thanh lý hợp đồng đề ngày 26/10/2017 có ký xác nhận của hai bên Công ty; Hợp đồng số HD130C/16/HĐKT-TTP cons ngày 20/6/2016 về việc thi công chống thấm, biên bản thanh lý hợp đồng đề ngày 16/8/2018; Hợp đồng số HD 113d/16/HĐKT-TTP cons ngày 02/8/2016 về việc thi công chống thấm lỗ kingpost, giếng khoan, lỗ trặc đặc, biên bản thanh lý hợp đồng đề ngày 20/10/2017; Hợp đồng số HD84a/16/HĐKT-TTP cons ngày 20/4/2016 về việc thi công xử lý vết nứt, bảng chi tiết giá trị khối lượng thanh toán đợt 01 có ký xác nhận của hai bên; Hợp đồng số HD 1002-01/18/HĐKT-TTP cons ngày 10/02/2018 về việc thi công khoan cấy, bảng chi tiết giá trị khối lượng thanh toán đợt 03 có ký xác nhận của hai bên có cơ sở xác định hai bên có ký kết hợp đồng về thi công các hạng mục công trình trong xây dựng, quá trình thực hiện hợp đồng đến nay, Công ty TNHH MTV K còn nợ theo các hợp đồng, biên bản thanh lý hợp đồng, biên bản xác nhận giá trị thanh toán đã ký nêu trên với số tiền nợ gốc tổng cộng là 999.145.767 đồng (Chín trăm chín mươi chín triệu một trăm bốn mươi lăm ngàn bảy trăm sáu mươi bảy đồng). Tại phiên tòa hôm nay Công ty TNHH MTV K cũng không có mặt, không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào đã thực hiện xong các nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng đã ký kết. Như vậy, Công ty TNHH MTV K vi phạm nghĩa vụ thanh toán, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty TNHH MTV K phải trả cho Công ty TNHH T1 toàn bộ số tiền nợ còn thiếu là 999.145.767 đồng (Chín trăm chín mươi chín triệu một trăm bốn mươi lăm ngàn bảy trăm sáu mươi bảy đồng).

Đồng thời, ghi nhận sự tự nguyện của Công ty TNHH T1 không yêu cầu phía Công ty bị đơn phải trả lãi chậm trả từ thời điểm vi phạm đến ngày Tòa án xét xử vụ án và phạt vi phạm hợp đồng.

[3] Án phí KDTMST: Công ty TNHH MTV K phải chịu án phí sơ thẩm trên số tiền phải thi hành, cụ thể án phí phải chịu là 41.974.373 đồng (Bốn mươi một triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn ba trăm bảy mươi ba đồng).

Hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Công ty TNHH T1.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 144, 145 và 146 Luật Xây dựng năm 2014;
- Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại năm 2005
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01-NQ/HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất phạt vi phạm.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn – Công ty TNHH T1.

Buộc Công ty TNHH MTV K có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH T1 toàn bộ số tiền nợ gốc còn thiếu tính đến ngày 25/7/2023 số tiền tổng cộng là 999.145.767 đồng (Chín trăm chín mươi chín triệu một trăm bốn mươi lăm ngàn bảy trăm sáu mươi bảy đồng) theo Hợp đồng số HD 0504-01/09/HĐKT ngày 05/4/2019 về việc thi công chống thấm, Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 08/12/2020 có ký xác nhận của hai bên; Hợp đồng số HD1804-01/19/HĐKT-TTP cons ngày 18/4/2019 về việc xử lý vết nứt, Theo bảng chi tiết giá trị khối lượng thanh toán đợt 01 có ký xác nhận của hai bên đề ngày 14/9/2015; Hợp đồng số HD 0808-02/18/HĐKT-TTP cons ngày 08/8/2018 về việc thi công chống thấm, Theo biên bản thanh lý hợp đồng đề ngày 03/12/2019 có ký xác nhận của hai bên Công ty; Hợp đồng số HD 20B/17/HĐKT-TTP cons ngày 24/7/2017 về việc thi công chống thấm nền vách hầm, theo biên bản thanh lý hợp đồng đề ngày 26/7/2019 có ký xác nhận của hai bên Công ty; Hợp đồng số HD133B/16/HĐKT-TTP cons ngày 06/10/2016 về việc thi công chống thấm, biên bản thanh lý hợp đồng đề ngày 16/8/2018 có ký xác nhận của hai bên; Hợp đồng số HD136A2/16/HĐKT-TTP cons ngày 25/10/2016 về việc thi công chống thấm vách hầm, biên bản thanh lý hợp đồng đề ngày 26/10/2017 có ký xác nhận của hai bên Công ty; Hợp đồng số HD130C/16/HĐKT-TTP cons ngày 20/6/2016 về việc thi công chống thấm, biên bản thanh lý hợp đồng đề ngày 16/8/2018; Hợp đồng số HD 113d/16/HĐKT-TTP cons ngày 02/8/2016 về việc thi công chống thấm lỗ kingpost, giếng khoan, lỗ trắc đặc, biên bản thanh lý hợp đồng đề ngày 20/10/2017; Hợp đồng số HD84a/16/HĐKT-TTP cons ngày 20/4/2016 về việc thi công xử lý vết nứt, bảng chi tiết giá trị khối lượng thanh toán đợt 01 có ký xác nhận của hai bên; Hợp đồng số HD 1002-01/18/HĐKT-TTP cons ngày 10/02/2018 về việc thi công khoan cấy, bảng chi tiết giá trị khối lượng thanh toán đợt 03 có ký xác nhận của hai bên.

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty TNHH T1 không yêu cầu phía Công ty bị đơn phải trả lãi chậm trả từ thời điểm vi phạm đến ngày Tòa án xét xử vụ án, không yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng.

Kể từ ngày Công ty TNHH T1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty TNHH MTV K không thi hành số tiền trên, thì hàng tháng Công ty TNHH MTV K còn phải trả tiền lãi cho Công ty TNHH T1 trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí KDTM sơ thẩm:

2.1 Công ty TNHH MTV K phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là 41.974.373 đồng (Bốn mươi một triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn ba trăm bảy mươi ba đồng).

2.2. Hoàn trả cho Công ty TNHH T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.150.000 đồng (Hai mươi một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) theo các biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0019930 ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo của các đương sự:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- Chi cục THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thảo